

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2025/DS-PT

Ngày: 18/11/2025

“V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Dung

2. Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định sửa đổi, bổ sung Bản án sơ thẩm số 03/2025/QĐ-SĐBSBA ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân khu vực 3 - Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1962; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1957; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1966; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; có mặt.

- Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1992; vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1993; vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1998; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T1, ông Hoàng Văn N, ông Hoàng Văn B: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; có mặt.

- Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1973; có mặt.

- Bà Lê Thị N1, sinh năm 1959; có mặt.

- Ông Hoàng Văn G, sinh năm 1984; có mặt.
- Bà Lăng Thị H, sinh năm 1987; vắng mặt.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ; Bị đơn ông Hoàng Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ trình bày:*

Cụ Hoàng Văn T3 (chết ngày 17/8/2011) và cụ Nguyễn Thị T4 (chết ngày 17/3/2023) là vợ chồng, sinh được 06 người con gồm: ông Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, sinh năm 1960 (Là liệt sĩ, chưa có vợ con), ông Hoàng Văn Đ, bà Hoàng Thị D, ông Hoàng Văn Q (chết ngày 24/3/2015) và Hoàng Thị Tam. Ông Hoàng Văn Q có vợ là bà Nguyễn Thị L và có 03 người con là bà Hoàng Thị T1, Hoàng Văn N và Hoàng Văn B.

Khi còn sống cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4 tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 1122, tờ bản đồ số 8, diện tích 916m² loại đất thổ cư được Ủy ban nhân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0: 382540 ngày 11/02/2009. Diện tích đất đo đạc hiện trạng còn 874,7m²; trên đất có ngôi nhà cấp 4 bốn gian, hiện ông T đã phá dỡ 01 gian. Ngoài ra còn 02 sào đất ruộng, ông Hoàng Văn T đang canh tác.

Sau khi cụ Nguyễn Thị T4 mất, ông Hoàng Văn T tự ý phá 01 gian nhà và xây dựng nhà mới, sự việc xảy ra ông Hoàng Văn Đ đã báo cáo chính quyền địa phương, yêu cầu ông T dừng xây dựng, anh em trong gia đình đã hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã nhưng không thành. Phần ông T làm nhà khoảng 40m² ông Đ yêu cầu phá dỡ, lý do chưa được sự đồng ý, bàn bạc của anh em.

Khi cụ T3 và cụ T4 còn sống thống nhất để lại cho ông Q và bà L 14 thước tương ứng 462m², ông Q và bà L để cho cháu Hoàng Văn G và Lăng Thị H.

Nay ông Hoàng Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Phân chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4 là quyền sử dụng đất tại thửa 1122, tờ bản đồ số 8, diện tích 874,7m² loại đất thổ cư và ngôi nhà cấp 4 bốn gian, ông T đã phá 01 gian ông T phải trả tiền cho các thừa kế. Ông Đ thống nhất chia cho cháu G và cháu H 462m². Ông Đ có nguyện vọng được chia bằng hiện vật là đất ở.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ đồng ý giao lại toàn bộ khu đất là di sản thừa kế của cụ T3 và cụ T4 cho vợ chồng ông Hoàng Văn T (sau khi trừ phần đất cụ T3 và cụ T4 khi còn sống thống nhất cho anh Hoàng Văn G anh G hỗ trợ một

phần tiền), phần đất ruộng chia làm 02 phần cho ông Đ sử dụng 500m² và bà Nguyễn Thị L 500m². Còn lại các bên lấy giá trị bằng tiền, theo định giá và chia theo pháp luật.

* Bị đơn ông Hoàng Văn T trình bày:

Cụ Hoàng Văn T3 (mất 17/8/2011) và cụ Nguyễn Thị T4 (mất ngày 17/3/2023) là vợ chồng, sinh được 06 người con gồm: Hoàng Văn T, Hoàng Văn C sinh năm 1960 (Là liệt sĩ, chưa có vợ con), Hoàng Văn Đ, Hoàng Thị D, Hoàng Văn Q (Mất 24/3/2015), Hoàng Thị Tam .

Ông Hoàng Văn Q có vợ là bà Nguyễn Thị L1 03 người con là Hoàng Thị T1, Hoàng Văn N và Hoàng Văn B.

Cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4 khi còn sống tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 1122, tờ bản đồ số 8, diện tích 916m² loại đất thổ cư, được Ủy ban nhân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0: 382540 cấp ngày 11/02/2009, diện tích hiện trạng là 874,7m², trên đất có ngôi nhà cấp 4 bốn gian, hiện ông T đã phá dỡ 01 gian. Ngoài ra 02 sào đất ruộng, hiện tại ông Hoàng Văn T đang canh tác.

Khi cụ T3 và cụ T4 còn sống thì ông bà đã thống nhất để lại cho anh G và chị H 14 thước là 462m² anh G và chị H phải đưa 35.000.000đ cho ông T3 và bà T4, ông T3 lấy trước 25.000.000đ đưa ông Q và bà L, còn 10.000.000đ khi ông T3 và bà T4 mất anh G đưa cho vợ con ông Q.

Ông T đề nghị hủy đơn của ông Đ, chuyển lên tỉnh với lý do ông Đồng kiện không đúng sự thật, văn bản hòa giải đã thành công nhưng các bên không thực hiện theo biên bản hòa giải, ông T đề nghị giao lại cho ông Đ, bà D, bà T2 và bà L số tiền 150.000.000đ; ông Đ được quyền sử dụng 02 sào đất nông nghiệp và phần đất còn lại sau khi đã cho cháu G 14 thước, như thỏa thuận tại Ủy ban nhân dân xã. Nếu chia thừa kế ông T đề nghị được lấy đất, lấy nhà bằng hiện vật.

* Ý kiến bà L, bà D, bà T2:

Thống nhất như ông Đ, ông T trình bày về di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4 để lại trước khi chết; về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Thống nhất cụ T3 và cụ T4 đã để lại cho ông Q và bà L 14 thước là 462m² tại thửa 1122, sau đó ông Q và L nhường cho anh G và chị H với giá 35.000.000đ đã nhận đủ tiền.

Phân chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4 theo quy định pháp luật. Di sản gồm: Diện tích đất ở 874,7m² tại thửa 1122, tờ bản đồ số 8 và 02 sào đất nông nghiệp (đất ruộng); ngôi nhà cấp 4 bốn gian. Ông T đã phá 01 gian thì ông T phải trả tiền cho các đồng thừa kế. Đồng ý tách cho anh G và chị H 462m² tại thửa 1122. Phần thừa kế bà T2, bà D và phần bà L và các con ông Q được hưởng xin nhận bằng hiện vật đất ở và đất ruộng trong khối tài sản

cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4 để lại cho ông Hoàng Văn Đ hưởng bằng hiện vật là đất ruộng 500m², bà L nhận hiện vật là 500m² còn lại thanh toán chia đều theo quy định của pháp luật.

Phần ông T làm nhà khoảng 40m² yêu cầu phá dỡ, lý do chưa được sự đồng ý, bàn bạc của anh em.

** Ý kiến anh G chị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cùng ý kiến:*

Khi cụ T3 và cụ T4 còn sống có thỏa thuận giao cho anh Hoàng Văn G được sử dụng 14 thước tương đương 462m² đất ở, anh G phải trả cho ông bà nội với số tiền 35.000.000đ, đã đưa trước 25.000.000đ ông bà giao cho ông chú Hoàng Văn Q khi còn sống. Còn 10.000.000đ theo di huấn của ông bà khi ông bà mất mới trả cho vợ con ông Q, anh G đã trả đủ. Nay đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng anh G và chị H được sử dụng 462m² đất ở, anh G và chị H đã làm nhà tầng, 01 nhà bếp và nhà để đồ, phần nhà 03 gian còn lại trên khu đất anh G sẽ trả giá trị cho các hàng thừa kế của ông bà.

** Ý kiến bà Lê Thị N1: Bà N1 là vợ ông Hoàng Văn T, trong quá trình ở cùng cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4, khu đất đang tranh chấp, bà N1 và ông T có san lấp, trồng cây cối, đề nghị Tòa án xem xét trích công sức cho vợ chồng bà.*

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định sửa đổi, bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2025/QĐ-SĐBSBA ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân khu vực 3 - Thanh Hóa;*

Căn cứ: - Điều 5, khoản 5 điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị Quyết 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

- Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614 , 618, 623, 649, 650, 651, 652, 658, 660, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 105, Điều 106, Điều 166 Luật Đất đai.

- Điều 6, Điều 9, điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 18 và Điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ về việc chia di sản của cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4 khi còn sống tạo lập được khối tài

sản là quyền sử dụng đất thửa 1122, tờ bản đồ số 8, diện tích hiện tại các bên thừa nhận là 874,7m² loại đất thổ cư được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0: 382540 do Ủy ban nhân huyện T cấp ngày 11/02/2009 và 1000m² đất nông nghiệp (đất ruộng), ngôi nhà cấp 4 bốn gian, ông T đã phá dỡ 01 gian, 01 cây nhãn loại D; Công nhận đã tặng cho anh Hoàng Văn G 462m² đất ở, còn lại chia thừa kế theo pháp luật; Cụ thể:

1.1. Trích chia công sức cho ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị N1 94.581.000đ (Chín tư triệu năm trăm tám mươi một nghìn đồng) trong giá trị di sản cụ T3 và cụ T4 để lại.

1.2. Giao cho ông Hoàng Văn T và Lê Thị N1 được quyền sử dụng 412,7m² đất ở, trên đất có nhà thờ ông T và bà N1 mới xây, các cây cối ông T và bà N1 trồng, mái tôn và 01 cây nhãn loại D.

1.3. Giao cho ông Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị L mỗi người được sử dụng 500m² đất trồng lúa tại thửa 73,74,77 tờ bản đồ số 07 xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa, phần đất này hiện nay ông T đang sử dụng. (Có sơ đồ đất kèm theo).

1.4. Công nhận anh Hoàng Văn G và chị Lăng Thị H được quyền sử dụng 462m² đất ở, trên đất ở có 01 nhà 02 tầng, nhà cấp 4, 01 nhà bếp là tài sản anh G và chị H xây dựng và 01 nhà 03 gian của cụ T4 và cụ T3 để lại (Có sơ đồ đất kèm theo).

Người được quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký chuyển đổi đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

1.5. Về trả giá trị chênh lệch chia thừa kế và giao tài sản:

Buộc ông Hoàng Văn T trả cho ông Hoàng Văn Đ: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng);

Buộc ông Hoàng Văn T trả cho bà Nguyễn Thị L: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng);

Buộc ông Hoàng Văn T trả cho bà Hoàng Thị D: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng);

Buộc ông Hoàng Văn T trả cho bà Hoàng Thị T2: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng);

Buộc anh Hoàng Văn G và chị Lăng Thị H trả cho ông Hoàng Văn T giá trị căn nhà 03 gian là 93.036.000đ (Chín mươi ba triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 11/8/2025, nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ kháng cáo Bản án số 04/2025/DS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Thanh Hóa; với nội dung: Không đồng ý công nhận ông T là người tôn tạo, quản lý, nuôi dưỡng cha mẹ và thờ cúng để trích công sức cho ông T.

* Ngày 05/8/2025, bị đơn ông Hoàng Văn T kháng cáo Bản án số 04/2025/DS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Thanh Hóa; với nội dung:

- Đề lại diện tích đất 412,7m² tại thửa 1122 để làm nhà thờ, không chia thừa kế;

- Đề nghị công nhận diện tích đất đã cho anh Hoàng Văn G và chị Lăng Thị H là 462m²;

- Đề nghị công nhận Biên bản hòa giải tại xã T ngày 26/01/2024;

- Phần đất nông nghiệp ai khó khăn thì lấy làm không chia.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Bị đơn rút nội dung kháng cáo đề nghị công nhận diện tích đất đã cho anh Hoàng Văn G và chị Lăng Thị H là 462m²; không đồng ý chia diện tích đất còn lại 412,7m² tại thửa 1122 để làm nhà thờ; không chia đất nông nghiệp ; đề nghị công nhận Biên bản hòa giải ngày 26/01/2024 tại xã T.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 ; khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo nguyên đơn đã rút và một phần kháng cáo bị đơn đã rút; bác nội dung kháng cáo còn lại của bị đơn; giữ nguyên Bản án số 04/2025/DS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

Án phí dân sự phúc thẩm : Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bị đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn ông Hoàng Văn Đồng khởi K bị đơn ông Hoàng Văn T, tranh chấp chia di sản thừa kế; bị đơn và di sản thừa kế có địa chỉ tại xã T, tỉnh Thanh Hóa; Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ và bị đơn ông Hoàng Văn T làm theo đúng trình tự, thời hạn quy định tại các Điều 272, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo nguyên đơn đã rút và một phần nội dung kháng cáo bị đơn đã rút.

[2] Xác định di sản thừa kế của ông Hoàng Văn T3 và bà Nguyễn Thị T4. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự đều thống nhất trình bày:

* Di sản của cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4 để lại gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa 1122, tờ bản đồ số 8, diện tích 916m² đất ở nông thôn, đã được UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0: 382540 ngày 11/02/2009 đứng tên cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4. Diện tích đất đo đạc hiện trạng là 874,7m². Tài sản trên thửa đất số 1122 là ngôi nhà cấp 4 bốn gian, ông T đã phá 01 gian; Các đồng thừa kế thống nhất chia cho anh Hoàng Văn G và chị Lăng Thị H 14 thước tương ứng 462m², do khi còn sống cụ T3 cụ T4 đã tự nguyện cho anh G và chị H, anh G chị H có hỗ trợ ông bà một khoản tiền và hai cụ đã cho vợ con ông Q. Diện tích còn lại là di sản thừa kế để chia là 412,7m²

- Quyền sử dụng đất tại thửa 73 tờ bản đồ số 07 là nông nghiệp và 1.000m².

Tổng giá trị di sản thừa kế là 494.581.000đ (Bốn trăm chín mươi bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng); gồm: 412,7m² đất ở x 800.000đ/m² = 330.160.000đ; 1000m² đất nông nghiệp x 40.000đ/m² = 40.000.000đ; nhà cấp 4 bốn gian ông T đã phá 01 gian khi chưa được sự đồng ý của các hàng thừa kế nên phần 01 gian ông T phải chịu giá trị, như vậy nhà cấp 4 bốn gian trị giá: (93.036.000đ: 3) x 4 gian = 124.048.000đ, 01 cây nhãn loại D trị giá 373.000đ;

* Cụ Hoàng Văn T3 và cụ Nguyễn Thị T4 không để lại di chúc; hai cụ có 06 người con gồm ông Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn C sinh năm 1960 (Là liệt sĩ hy sinh ngày 18/01/1979, chưa có vợ, con), Hoàng Văn Đ, Hoàng Thị D, Hoàng Văn Q (chết 24/3/2015, ông Q có vợ là bà là bà Nguyễn Thị L, ông Q và bà L có 03 người con là bà Hoàng Thị T1, Hoàng Văn N và Hoàng Văn B) và Hoàng Thị Tam . Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ T3 và cụ T4 theo pháp luật là đúng quy định.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn T

- Nội dung kháng cáo không đồng ý chia thừa kế diện tích đất 412,7m² tại thửa 1122, để làm nhà thờ và không chia diện tích 1.000m² đất nông nghiệp tại thửa 73, 74, 77 tờ bản đồ số 7.

Hội đồng xét xử thấy rằng, đối với các thửa đất trên các đương sự đều thống nhất di sản thừa kế của cụ T3 và cụ T4 để lại, không có di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ là đúng quy định tại các Điều 649, 650 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đối với nội dung kháng cáo đề nghị công nhận Biên bản hòa giải ngày 26/01/2024 tại xã T có giá trị. Hội đồng xét xử thấy rằng, ngày 26/01/2024 UBND xã T tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai là di sản thừa kế của cụ T3 cụ T4 để lại. Tại buổi hòa giải các thành viên trong gia đình ông T không thống nhất được nội dung giải quyết tranh chấp, nên UBND xã đã lập biên bản làm việc, đây không phải biên bản hòa giải thành, nên các đương sự không có nghĩa vụ thực hiện.

Từ những nhận định trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung kháng cáo của ông T có căn cứ.

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phía chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: - Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ đã rút.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn T đã rút đối với việc đề nghị công nhận diện tích đất đã cho anh Hoàng Văn G và chị Lăng Thị H là 462m².

- Bác một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hoàng văn T; giữ nguyên Bản án số 04/2025/DS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Hoàng Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS, TA, THADS khu vực 3 - Thanh Hóa;
- Đường sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Lê Thị Hiệu